

VỀ ĐẸP THỊ GIÁC TRONG THƠ NÔM HỒ XUÂN HƯƠNG

Nguyễn Thị Hồng Hạnh^{1*}, Phạm Văn Hóa²

¹Học viên Cao học ngành Văn học Việt Nam, Trường Đại học Đà Lạt

²Trường Đại học Đà Lạt

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 28/02/2024

Ngày phản biện: 02/03/2024

Ngày duyệt đăng: 26/03/2024

* Tác giả chính:

hoapv@dlu.edu.vn

Title:

Visual beauty in ho xuan huong's nom poetry

Từ khóa:

Hồ Xuân Hương, thơ Nôm, về đẹp thị giác, liên tưởng, phụ nữ

Keywords: :

Ho Xuan Huong, Nom poetry, visual beauty, association, women

TÓM TẮT: Thơ Nôm Hồ Xuân Hương được coi là một trong số ít đỉnh cao mang tính đại diện về loại hình thơ Đường viết bằng chữ Nôm của văn học trung đại Việt Nam. Ấn tượng về hình ảnh và sự “liên văn bản” thú vị, độc đáo chính là nguồn gốc của cảm hứng đưa thơ Hồ Xuân Hương từ địa hạt văn chương vào nghệ thuật thị giác của các hình thức nghệ thuật như hội họa, diễn xướng thời trung đại. Cho đến nay, thơ bà “gây khó khăn” cho bất cứ dịch giả nào muốn diễn đạt lại nội dung tác phẩm bằng một ngôn ngữ khác. Từ mối quan hệ giữa thơ ca với hội họa, trên cơ sở vận dụng các phương pháp như liên ngành văn học - văn hóa, phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, ở bài viết này, chúng tôi đi tìm một lời giải về vẻ đẹp của hình tượng nghệ thuật trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương. Từ hình ảnh của cái đẹp thị giác trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương, bài báo góp phần nhận diện và mô tả các biểu hiện của quan niệm thẩm mỹ, cơ sở chi phối hoạt động sáng tác của “bà chúa thơ Nôm”.

ABSTRACT: Ho Xuan Huong's Nom poetry is considered one of the few representative peaks of Tang poetry written in Nom in Vietnamese medieval literature. The impression of images and the interesting and unique “intertextuality” are the source of inspiration to bring Ho Xuan Huong's poetry from the realm of literature to the visual arts of art forms such as painting and acting. Medieval chant. Up to now, her poetry “causes difficulty” for any translator who wants to re-express the work's content in another language. The relationship between poetry and painting, based on the application of methods such as interdisciplinary literature - culture, analysis, synthesis, comparison, and statistics, in this article, we seek answer the beauty of artistic images in Ho Xuan Huong's Nom poetry. From the image of visual beauty in Ho Xuan Huong's Nom poetry, the article contributes to identifying and describing the manifestations of aesthetic concepts, the basis that governs the creative activities of the queen of Nom poetry.

1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Tư duy thị giác gắn với năng lực tưởng tượng là một biểu hiện nổi bật làm nên tính độc đáo của văn hóa và văn học phương Đông

nói chung. Thi nhân Matsuo Basho thường dùng hình ảnh thiên nhiên để làm bối cảnh liên tưởng cảm xúc, tình cảm trong thơ haiku của mình. Ví như bài thơ sau:

<i>Kasane to wa</i> <i>Yae nadeshiko no</i> <i>Na narubeshi</i>	<i>Nếu tên em là Kep</i> <i>Phải hiểu: nhiều tầng</i> <i>cánh,</i> <i>Như loài hoa nữ lang</i> [18]
---	---

Thơ Vương Duy được xem là sự kết hợp điển hình cho mối quan hệ giữa thơ và họa, giữa cảnh và ý, giữa hình và thần, cho nên Tô Đông Pha mới bình rằng “thi trung hữu họa, họa trung hữu thi”. Nghệ thuật thị giác ngày nay đã đạt đến trình độ phát triển rất cao. Tính thị giác cũng góp phần làm nên vẻ đẹp riêng của tác phẩm văn học và đã được nói đến trong công trình của các nhà nghiên cứu. Từ xưa, thơ Đường (Trung Quốc) và thơ haiku (Nhật Bản) đã biết kết hợp giữa thơ và họa, sáng tạo ra loại thơ đề tranh để tăng cường ưu điểm và hạn chế những khuyết điểm của hai loại hình nghệ thuật này. Trong bài viết này, chúng tôi muốn trả lời cho câu hỏi về vẻ đẹp độc đáo của hình tượng nghệ thuật trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương qua những biểu hiện của năng lực tưởng tượng và tư duy thị giác. Bài viết không chỉ góp phần nhận diện và mô tả các biểu hiện của quan niệm thẩm mỹ, cơ sở chi phối hoạt động sáng tác của “bà chúa thơ Nôm”. Từ hình ảnh của vẻ đẹp thị giác, thơ bà xác nhận tinh thần gắn bó với vẻ đẹp thị giác trong truyền thống văn hóa Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Thế kỷ XXI trở lại đây, nghệ thuật thị giác đạt nhiều thành tựu trên các diễn đàn nghệ thuật trong nước và cùng với đó tác động không nhỏ đến văn học nghệ thuật. Thực tế khoảng 20 năm trở lại đây rất nhiều tác phẩm văn học nước nhà được chuyển thể sang nghệ thuật thị giác, trong đó có tác phẩm của tác gia trung đại. Tác phẩm của Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu,... đã gặt hái được rất nhiều thành công trên các chuyển thể, cải biên sang nghệ thuật thị giác. Tuy nhiên, đến nay chưa có công trình nào nghiên

cứu nào một cách hệ thống lý giải vì sao các tác phẩm đó được quan tâm chuyển thể sang nghệ thuật thị giác và được công chúng đón nhận nồng nhiệt. Đã có công trình khảo sát các tác phẩm chuyển thể từ thơ Nôm Hồ Xuân Hương [21], nhưng việc tìm lời giải về sức sống trường tồn của thơ Nôm Hồ Xuân Hương trong văn hóa dân tộc từ vẻ đẹp thị giác và liên tưởng thị giác độc đáo mà gần gũi trong thơ Bà vẫn còn bỏ ngỏ.

Theo Chu Xuân Diên, thị hiếu thẩm mỹ của người Việt Nam thời kỳ trung đại gắn với vẻ đẹp khỏe khoắn và tươi vui, phóng khoáng và tự do, rục rờ và sống động ở sắc màu trần thế, tinh thần duy tình và tâm thức phồn thực. Thiên về vẻ đẹp tự nhiên, thuần phác, mộc mạc, là những thuộc tính thẩm mỹ của người dân Việt Nam. Sự hòa hợp giữa thiên nhiên và con người là nguyên lý căn bản trong tư duy thẩm mỹ của người Việt Nam [2, tr. 47]. Quan niệm thẩm mỹ gắn với vẻ đẹp thị giác trong tâm thức phồn thực, sùng kính tự nhiên và tinh thần duy tình gắn với quan điểm thẩm mỹ theo tinh thần nhân văn của văn hóa phương Tây thời Phục hưng. Trong thị hiếu thẩm mỹ dân gian, vẻ đẹp thị giác không chỉ thuần túy vật chất với đường nét, hình dáng, màu sắc của cơ thể con người, mà còn rất cảm tính, gắn với cảm nhận, liên tưởng trong sự hài hòa của một sinh thể đầy sức sống, nhỏ nhắn, tươi tắn, gắn với tình cảm và do đó có sức hấp dẫn: “*Gặp em thấy khéo miệng cười/ Thấy xinh con mắt, thấy tươi má hồng*”, “*Thấy nàng đẹp nét tốt tươi/ Tươi quần tươi áo tươi đôi má hồng*” (Ca dao),... Cơ thể người không chỉ là một thân xác, một sinh thể mà trở thành một đối tượng thẩm mỹ gắn với liên tưởng thị giác. Vẻ đẹp và thị hiếu thẩm mỹ gắn với vẻ đẹp ấy mang đậm chất người, gắn với tình yêu, tình cảm của con người. Đó là một thị hiếu thẩm mỹ mang tính hiện đại.

Nhiều nhà nghiên cứu khẳng định sức sống của thơ Nôm Hồ Xuân Hương bắt nguồn từ cách dùng từ biến hóa, chất tươi trẻ, tràn đầy sức sống toát lên từ cách tạo hình ảnh

phóng túng, dân dã, hóm hỉnh, suồng sã với cả thiên nhiên của người phụ nữ này [8; 10;13]. “Tính mộc mạc, thân thiết với mọi người... cùng cái xinh xắn và duyên dáng trở thành hai bản chất... cố hữu của cả nghệ thuật Việt Nam” [11, tr.156]. Hình tượng nghệ thuật trong thơ bà luôn gắn với liên tưởng thị giác về vẻ đẹp thanh tân, gợi tình, duyên dáng của người con gái. Thơ Nôm Hồ Xuân Hương sử dụng số lượng trường từ chỉ vẻ đẹp giới nữ chiếm đa số [4, tr. 71]. Tuy nhiên điều khác với văn học viết trung đại, khi ca ngợi vẻ đẹp của thiếu nữ thơ Nôm Hồ Xuân Hương thường liên tưởng thị giác về vẻ đẹp của cơ thể người phụ nữ. Đặc biệt, các bộ phận cơ thể mang nét đẹp gợi cảm, hấp dẫn của người phụ nữ đều có mặt trong thơ bà. “Thơ Hồ Xuân Hương đã vượt qua khỏi “sự kiêng kỵ” của quan niệm quy phạm về thẩm mỹ thời trung đại để trình bày cảm xúc và sự trân trọng trước vẻ đẹp trinh nguyên, tự nhiên, tươi trẻ, trong sáng và đầy sức sống của thân thể thiếu nữ” [7, tr.563]. Khi miêu tả về vẻ đẹp ngoại hình, hình tượng con người gắn với một số hình ảnh thiên nhiên quen thuộc, bình dị, và tất cả đều gợi lên rung động về tình yêu, về cái đẹp: “*Lược trúc biêng cài trên mái tóc/ Yếm đào trễ xuống dưới nương long/ Đồi gò Bồng đảo sương còn ngậm/ Một lạch Đào nguyên suối chứa thông*” (Vịnh nằm ngủ), “*Thân em vừa trắng phận em tròn/ Bầy nổi ba chìm với nước non*” (Bánh trôi), “*Một đèo một đèo lại một đèo/Khen ai khéo vẽ cảnh cheo leo/ Cửa son tía ngắt lơ thơ móc/ Đường đá xanh rì lún phún rêu*” (Núi Ba Đèo),... Hình tượng nghệ thuật thơ Hồ Xuân Hương luôn gợi vẻ đẹp thị giác về con người một cách tinh tế của cái nhìn ảo giác mà rất gần gũi trong cảm nhận trực tiếp của thị hiếu thẩm mỹ truyền thống. Cũng như người dân Việt xưa, Hồ Xuân Hương dường như không che dấu tình cảm của mình đối với cái đẹp thuần túy mang tính hình thức, thậm chí có tính chất nhục thể.

Qua việc khảo sát thơ Nôm Hồ Xuân Hương [5], từ mối quan hệ giữa thơ ca với

nghệ thuật thị giác, nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở vận dụng phối hợp nhiều phương pháp như liên ngành văn học - văn hóa nghệ thuật, phân tích - tổng hợp, so sánh, thao tác thống kê,... đi tìm một lời giải về vẻ đẹp độc đáo của hình tượng nghệ thuật trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương.

Các khái niệm liên quan đến nghệ thuật thị giác trong bài viết được sử dụng từ công trình của nhóm tác giả Nguyễn Quân và Phan Cẩm Thượng biên soạn (1989), *Mỹ thuật của người Việt*, Nhà xuất bản Mỹ thuật, Hà Nội [11].

3.Kết quả và thảo luận

3.1. Tính thị giác và tính mơ hồ trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương

Thơ Nôm Hồ Xuân Hương được coi là một trong số ít đỉnh cao mang tính đại diện về thể loại thơ Đường viết bằng chữ Nôm của văn học trung đại Việt Nam. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương say sưa với từng sự vật nhỏ bé, gần gũi góp phần tạo nên vẻ đẹp tự nhiên, mộc mạc của con người Việt Nam. Từ những đường nét mộc mạc của quả cau, miếng trầu, bánh trôi, cái quạt đến đường nét tạo hình sắc sảo, kiêu “điểm nhãn” vẻ đẹp thiếu nữ đến cảnh vật bình dị đều được nhìn bằng đôi mắt cá biệt của nhà thơ yêu đời. “Hồ Xuân Hương không hề khó tính chọn đề tài hội họa. Với một tấm lòng đại lượng và giản dị bà quên tất cả, vui yêu tất cả. Theo bà thì mọi vật là thơ và từ tâm thường người ta có thể dệt được đường tơ và từ tâm thường người ta có ý thơ, có rung cảm” [14, tr.98]. Qua đó, nhà thơ vừa chuyển tải cảm thức cuộc đời vừa kín đáo bộc lộ những tình cảm riêng tư sâu kín của người phụ nữ. Hồ Xuân Hương biệt tài trong cách dùng một hình ảnh cụ thể như ký hiệu tượng trưng để thay thế cho một tình cảm trừu tượng hoặc để khơi gợi sự liên tưởng trong một “trường” văn hóa có những mối liên hệ ở bề sâu. Bởi vậy, thơ Nôm Hồ Xuân Hương “gây khó khăn” cho bất cứ dịch giả nào muốn diễn

đạt lại nội dung tác phẩm bằng một ngôn ngữ khác [10, tr. 228]. Bởi những sự quan sát rất chi tiết và cụ thể, điều chúng ta khó tìm thấy trong các bài thơ cổ điển, nhưng đã được mã hóa gọi mở một con đường liên tưởng rất độc đáo, rất trực tiếp và rất Xuân Hương, cho nên, có nhiều sự lí giải về hiện tượng thơ Nôm Hồ Xuân Hương [20], [13], [1], [19],... Đọc câu thơ vịnh vật của Hồ Xuân Hương lên ta cảm như sờ được thấy vật, nhìn được thấy màu sắc và ngửi thấy hương thơm, bởi mỗi dòng thơ là sự xếp đặt các ký hiệu tín hiệu thị giác (màu, hình, nét...). Thống kê các từ chỉ màu và tần số dùng các từ này trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương, chúng ta sẽ thấy kết quả khá lạ: bà dùng nhiều từ chỉ màu hơn (11 từ). Bà thường dùng tính từ, trạng từ để tả sắc và ánh sáng của màu. Tía là tía ngắt: “Cửa son tía ngắt lơ thơ móc” (*Núi Ba Đèo*). Xanh thì xanh rì: “Đường đá xanh rì lún phún rêu” (*Núi Ba Đèo*). Trắng ra trắng xóa: “Trắng xóa tràng giang, phẳng ngõ tờ” (*Nhĩ Hà tức cảnh*). Đỏ đến đỏ lôm: “Lai láng thiêu hương Phật đỏ lôm” (*Qua mái thiền quan*). Vàng thì vàng tía: “Chênh vênh án kệ chuông vàng tía” (*Qua mái thiền quan*),... Hệ thống sắc độ và ánh sáng ở các tính từ và trạng từ chỉ màu này diễn tả hình khối, cảm giác về âm thanh, mùi vị hay xúc giác trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương, phù hợp với lối nói nước đôi. Và nó cũng hỗ trợ cho sự so sánh ngầm. Con mắt thơ của bà có cảm nhận sâu sắc về nét và mảng. Thơ bà gây ra nhiều liên tưởng của đường nét. Tính đồ họa của hình ảnh thơ cũng rất cao và hấp dẫn. Xuân Hương cố tình giới thiệu cho người đọc hai sự vật hiện tượng trong một bài thơ. Nó vừa là hình ảnh thực vừa là hình ảnh gợi nên một hình ảnh khác. Không chỉ ở các bài thơ vịnh vật, một số bài thơ theo loại hình khác cũng được nhà thơ vận dụng lối đồ theo kỹ thuật chơi chữ (*Không chồng mà chữa, Khóc tổng Cóc, Nước Đàng, Núi Ba Đèo,...*). Yếu tố này, tức

hình ảnh cụ thể, vừa có tác dụng mở rộng trường liên tưởng một cách linh hoạt vừa nhấn mạnh hiệu quả thị giác cho bức chân dung về đối tượng ban đầu (*Bánh trôi nước, Mòi trâu, Giếng nước, Núi Ba Đèo,...*). Thơ bà là một nét văn hóa thể hiện tinh thần dân chủ của xã hội nông thôn Việt Nam đương thời. Cách dùng từ theo kiểu đa nghĩa, đa chức năng như trên cho thấy việc sử dụng một danh từ gắn với một hình ảnh cụ thể có khả năng tạo ra một trường liên tưởng xoay quanh một yếu tố đại diện. Ấn tượng về hình ảnh và sự liên kết thú vị này cũng chính là nguồn gốc của cảm hứng đưa thơ Hồ Xuân Hương từ địa hạt văn chương vào nghệ thuật thị giác của các hình thức nghệ thuật như hội họa, diễn xướng thời trung đại. Việc sử dụng hình ảnh tạo nên trường liên tưởng là hết sức phổ biến trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương.

Khuynh hướng sử dụng một hình ảnh cụ thể, cô đọng để biểu đạt những ý nghĩa trừu tượng và bao quát là một đặc điểm của thơ ca trung đại, chẳng hạn khung cảnh thiên nhiên của các mùa trong năm được đưa vào bài thơ thông qua những hình ảnh đặc trưng như hoa đào, lá đỏ, tuyết trắng, hoa lựu. Ngôn ngữ thơ càng được trau chuốt thì những hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng càng phong phú, quan hệ liên tưởng càng uyển chuyển và phạm vi liên tưởng càng mở rộng: “lá thắm”, “chỉ hồng” được dùng để chỉ duyên phận trời định; “mây trắng” được dùng để gọi tâm trạng nhớ quê; “nuơng dâu” được dùng như một cách nói bóng gió về nơi gặp gỡ, hẹn hò, hướng đến việc chinh phục đối phương trong quan hệ tình cảm riêng tư thâm kín, “mây nổi” tượng trưng cho cuộc đời phù du hay vẻ đẹp mong manh dễ mất... Cũng do mối quan hệ liên tưởng kiểu này mà thơ ca Việt Nam thời trung đại mới sử dụng hình thức điển tích điển cố để “liên văn bản” giữa danh tác của thi nhân đời trước với một bài thơ được viết ra ở thời đương đại. Với kỹ thuật này, thi

nhân chỉ cần lặp lại một hình ảnh nổi bật trong một bài thơ được nhiều người biết đến từ thời xa xưa là đưa được vào thơ cả không gian trữ tình và phong vị cổ điển đã trở thành một chuẩn mực thẩm mỹ của thi đàn. Chẳng hạn, một hình ảnh sông Tương trong câu thơ của Nguyễn Du: “Sông Tương một giải nông sờ/ Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia” (*Truyện Kiều*, 365 – 366) có thể mang vào bài thơ cả nỗi buồn ngăn cách lứa đôi. Tên của Sông Tương rõ ràng là không có ở Việt Nam, nhưng trong nỗi nhớ thương của đôi lứa dòng sông ấy hiện hữu tình cảnh ly biệt, tình cảm nhớ nhung của chuyện tình yêu. Những ví dụ điển hình như thế đủ để làm rõ về tính thị giác trong văn học trung đại Việt Nam, ở cả hình thức truyện kể và thơ ca. Yếu tố thị giác ở đây không phải chỉ là hình ảnh được miêu tả bằng ngôn ngữ. Nói đúng hơn, những ví dụ nêu trên cho thấy tính thị giác trong văn học trung đại được tạo ra do hình ảnh chiếm vị trí quan trọng trong tác phẩm và có sức chi phối khả năng biểu đạt của ngôn ngữ văn chương. Sự xuất hiện của hình ảnh làm cho những ý niệm trừu tượng được cụ thể hóa và trở nên sinh động. Hình ảnh còn tạo ra các mối quan hệ liên tưởng với trường nghĩa có thể được mở rộng và thay đổi linh hoạt tùy bối cảnh thời đại và năng lực diễn ngôn của người cầm bút.

Như vậy, ở đây xuất hiện nghi vấn là, liệu có tồn tại mâu thuẫn giữa tính thị giác và tính mơ hồ của thơ Nôm Hồ Xuân Hương. Nói cách khác, khi nữ sĩ miêu tả vẻ đẹp mơ hồ, khó nắm bắt về người phụ nữ thì tại sao những hình ảnh cụ thể lại có vai trò chủ đạo trong sáng tác văn học, như bài viết đã nêu ra ở phần trên? Đinh Thị Khang cho rằng: “Thơ vịnh vật, vịnh cảnh thể hiện cách nhìn, cách viết riêng của nữ sĩ, mang tính mơ hồ đa nghĩa... Viết vịnh cảnh, vịnh vật ám dụ đến bóng dáng đàn bà” [7, tr.560]. Thiên nhiên gần gũi được “lạ hóa” trong sự biến hóa của ngôn từ tạo nên “tính mơ hồ đa nghĩa” của

hình tượng nghệ thuật. Chúng tôi cho rằng Hồ Xuân Hương đã học tập ở các câu đố dân gian Việt Nam để cấu tứ cho thơ của mình. Mỗi bài thơ Nôm là một câu đố và lời giải đáp có thể là chỉ ở nhan đề hoặc thêm ở một câu thơ. Bài thơ cấu tạo dưới dạng câu đố, tức là giải thích sự vật hiện tượng thông qua miêu tả hai mặt nghĩa. Số lượng các bài thơ Nôm Hồ Xuân Hương có kiểu câu biểu tượng hai mặt như vậy (gọi là đố tục giảng thanh) cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể (64/77 bài, chiếm 83%). Ở thơ Hồ Xuân Hương, ngôn ngữ miêu tả đặc điểm sự vật trong câu thơ thường được thực hiện theo kỹ thuật của câu đố dân gian. Theo đó đối tượng được miêu tả trong bài thể hiện một sự quan sát, phát hiện những nét rất điển hình và so sánh thật chính xác. Ví như: “Một lỗ xâu xâu mấy cũng vừa/ Duyên em dính dán tự bao giờ/ Chành ra ba góc da còn thiếu/ Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa” (*Cái quạt*); “Thân em như quả mít trên cây/ Da nó xù xì múi nó dày/ Quân tử có yêu xin đóng cọc/ Đừng mân mó nửa nhựa ra tay” (*Quả mít*); “Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới/ Hai hàng chân ngọc duỗi song song/ Chơi xuân có biết xuân chẳng tá/ Cọc nhỏ đi rồi lỗ bỏ không” (*Đánh đu*);... Vận dụng lối đố trong ngôn ngữ thi ca Hồ Xuân Hương mang một nét mới hết sức độc đáo. Lối đố thể hiện tính hai mặt của những hình ảnh cụ thể đã tạo nên vẻ đẹp thị giác cho ngôn ngữ biểu đạt của tác phẩm. Những sự mô tả trong câu thơ có tác dụng tạo nên một ấn tượng nhất định ở người đọc trong sự hình dung về sự vật, sự việc. Mặt khác, ấn tượng thị giác trong sự hình dung ấy thật ra lại chỉ là một ấn tượng mơ hồ. Đầu đề tác giả đã đặt tên gì thì dứt khoát nghĩa thứ nhất mang nội dung đó (Ví dụ: *Quả mít*, *Con ốc*, *Đánh đu*, *Tát nước*, *Dệt cửi*, *Cái quạt*, *Tự tình*, *Mời trầu*...). Dù sự vật sự việc hiện lên là chân dung rõ nét nhưng trong tưởng tượng của người đọc lại có những hình ảnh khác khá sinh động. Các sự vật sự

việc ấy chỉ giúp cho người đọc có một ghi nhận mơ hồ một ý nghĩa thú vị khác tiềm ẩn bên trong. Cái tiềm ẩn bên trong là một kho tàng cuốn hút người khai thác khám phá những điều hết sức kỳ thú. Căn cứ vào tính đa nghĩa của hình tượng văn chương, bút pháp vịnh của văn học trung đại, đặc điểm phong cách thơ Hồ Xuân Hương và cuộc sống, quan niệm dân gian, tất cả các liên tưởng đều có lí.

Điều đó cũng giải thích tại sao thơ Nôm Hồ Xuân Hương rất giàu tính thị giác nhưng vẫn không dễ dàng để hiểu. Tản Đà đánh giá một cách hình tượng rằng thơ Nôm Hồ Xuân Hương là “thi trung hữu quỷ” [3]. Cho đến nay một số tác phẩm thơ Nôm Hồ Xuân Hương vẫn bị tranh cãi về ý nghĩa nội dung [15], [16], [17], [19],... và thơ Nôm Hồ Xuân Hương là thanh hay tục vẫn còn cần phải bàn luận. “Độc giả cảm thấy “bất an” vì khó có thể tách bạch các lớp nghĩa trong văn bản thơ Nôm Hồ Xuân Hương” [17, tr.9]. Nếu đi sâu hơn vào giá trị thẩm mỹ của tác phẩm, có thể nhận ra một điều thú vị rằng, điểm hội tụ của tính thị giác và tính mơ hồ của thơ Nôm Hồ Xuân Hương và mỹ học truyền thống Việt Nam là tinh thần khỏe khoắn, tươi vui, phóng khoáng và tự do, rực rỡ ở sắc màu trần thế, sống động trong hình ảnh vượt ra ngoài khuôn mẫu thông thường, vượt ra ngoài dòng chảy thanh cao của văn hóa trung đại. Sự táo bạo và độc đáo trong cảm quan thẩm mỹ của Hồ Xuân Hương thể hiện mang tính cách Việt Nam khỏe khoắn, tinh nghịch mà rất tình tứ.

3.2. Khả năng liên tưởng: chìa khóa của tư duy thị giác trong thơ Hồ Xuân Hương

Điểm hội tụ giữa tính thị giác và tính mơ hồ của thơ Nôm Hồ Xuân Hương cho thấy vẻ đẹp thị giác trong trường hợp này không chỉ là hình ảnh tả thực mà đúng hơn là sự kết hợp giữa miêu tả, cảm nhận và liên tưởng. Trong đó, hình ảnh thực tế chỉ được sử dụng theo lối biểu trưng và chỉ đóng vai

trò gợi mở, còn năng lực tưởng tượng là yếu tố trung tâm đóng vai trò quyết định (Ví dụ: *Quả mít, Con ốc, Đánh đu, Tát nước, Dệt cửi, Cái quạt, Tự tình, Mời trầu...*). Như đã chỉ ra ở phần trên, thơ Nôm Hồ Xuân Hương giàu hình ảnh thị giác nhưng cũng để lại “khoảng trống” (theo cách nói của Nguyên Sa) đáng kể giữa hình ảnh được miêu tả và giá trị thẩm mỹ của tác phẩm. Đó là “khoảng trống” dành cho khả năng liên tưởng của người cảm thụ. Như chúng ta biết, liên tưởng thị giác vẫn là quan trọng nhất trong mọi thứ liên tưởng. Khi sáng tác, nhà thơ chỉ dùng những hình ảnh thực tế như một thứ công cụ hữu hình để chuyển tải, khơi gợi những vẻ đẹp trừu tượng, ẩn khuất, sâu kín. Bài thơ vì thế có phong cách thẩm mỹ giống như một bức tranh thủy mặc. Ở rất nhiều bài thơ của Hồ Xuân Hương hình ảnh thị giác hiện ra không màu nhưng vẫn rõ nét. Và cũng chính vì vậy mà việc cảm thụ thơ đòi hỏi người đọc phải dùng trí tưởng tượng của mình để thâm nhập “khoảng trống” mà thi nhân để lại trên tác phẩm, nghĩa là phải giải mã bài thơ theo con đường ngược với quá trình sáng tác được thực hiện theo hướng cô đọng ý tưởng bằng hình ảnh biểu trưng.

Liên tưởng là phương thức nghệ thuật phổ biến trong thể hiện hình tượng nghệ thuật thơ Nôm Hồ Xuân Hương. Nó vừa gây sự tò mò, vừa gây khó khăn cho người giải nghĩa câu thơ, bài thơ. Và khi giải ra được, hoặc khi nghe lời giải, người đọc sẽ có được rất nhiều khoái cảm thẩm mỹ. Hình tượng nghệ thuật thơ Nôm Hồ Xuân Hương được tạo ra khi nữ sĩ để sự vật, hiện tượng hiện lên qua vài nét chấm phá, hoặc chỉ bằng mấy câu ngắn ngủi miêu tả theo lối so sánh, ẩn dụ. Để tạo ra ấn tượng đặc biệt, khiến người đọc có thể hình dung sự vật, hiện tượng lại làm cho nó trở thành một hình ảnh mơ hồ, nước đôi, nữ sĩ dùng một hệ thống ngôn ngữ thơ phong phú đầy sức gợi hình, gợi cảm, góp phần mơ hồ hóa. “Xuân Hương cũng chú ý lựa chọn từ

ngữ sắc nhọn dễ liên tưởng: lún phún, nòng nọc, lỗ, hang, nhựa, tùm hum, mân mó, le te,... Những từ ngữ này bất kể danh từ, động từ, tính từ Xuân Hương đều làm cho nó có thể in hình lên sự vật, tác động ngay vào thần kinh cảm giác của người đọc, buộc người đọc không muốn hình dung cũng phải hình dung.” [6]. Trong 77 bài thơ Nôm của Hồ Xuân Hương, chúng tôi thống kê có đến 101 từ láy [4, tr.70]. Đặc biệt là những từ láy gọi âm thanh: tí tí ti, vo ve, thánh thót, long bong, lồm bồm..., những từ gọi cảm giác, xúc giác: xù xì, toen hoén, lam nham, lún phún..., những từ gọi tư thế vận động: cheo leo, vắt vẻo, lom khom, lẩn lóc... Cách miêu tả sự vật, hiện tượng như vậy nghĩa là tác giả cho phép người đọc có thể hình dung một cách tự do nhưng lại không ngừng thử thách trí tưởng tượng của người đọc qua từng chi tiết mà sự vật, hiện tượng xuất hiện trong tác phẩm.

“Trong thơ Nôm, bà luôn dùng những từ ngữ có tính liên tưởng cao, và lúc nào cũng có thể hiểu theo nghĩa này hoặc nghĩa khác” [21, tr.164]. Ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương nhiều hình ảnh tả chân, sinh động nhưng nếu biểu đạt của bài thơ chỉ dừng lại ở đó thì tác phẩm không thể được xem là có giá trị thẩm mỹ cao. Thơ Nôm của bà mang một ý nghĩa trù tượng, sâu sắc, dù trong thơ xuất hiện những hình ảnh cụ thể và sinh động tạo ấn tượng mạnh về sự dồi dào sức sống và chân thực là cảnh thật hiện ra trước cái nhìn tinh khôi của một đôi mắt tinh nhạy. Từ ngữ trong thơ dù gọi sự hình dung về một vật thể có hình khối nhưng “hai mẫu gốc luôn chuyển hoán ngữ nghĩa cho nhau, ám gọi nhau” [9]. Vẻ đẹp của bài thơ đến từ trạng thái nửa cái này nửa cái kia. Hình ảnh sinh động, rõ ràng là hang Thánh Hóa, là giếng nước, bánh trôi,... chỉ đóng vai trò như một con đường dẫn người đọc vào thế giới kỳ ảo, phức hợp của ý nghĩa di chuyển từ cái miêu tả đến cái ẩn dụ. Cho nên, vấn đề thú vị nhất vẫn là ý

nghĩa nội dung thơ Nôm Hồ Xuân Hương, và sự thú vị của “khoảng trắng” này nằm ở mối liên hệ giữa khả năng liên tưởng của độc giả và định hướng sáng tạo của tác giả. Từ đó, độc giả thơ Nôm Hồ Xuân Hương có thể hiểu ra rằng, nếu vẻ đẹp thị giác trong tác phẩm là một bông hoa thì gốc rễ nuôi dưỡng bông hoa ấy là khả năng liên tưởng của người đọc.

Thơ Nôm Đường luật là thể loại được định hình và tỏa sáng trong bối cảnh văn học trung đại Việt Nam. Mặc dù, thể loại này gắn với những mẫu số chung về thể giới quan, nhân sinh quan, quan niệm văn học, về thi pháp,... nhưng cho phép tác giả mở rộng khả năng liên tưởng để tạo nên một thế giới hư cấu trong tác phẩm. Để sự liên tưởng của tác giả phải gắn với đời sống thực tế để tạo ra những trang viết giàu vẻ đẹp thị giác và có sức lay động tâm hồn người đọc là một thách thức lớn lao. Hồ Xuân Hương, qua mảng thơ Nôm đã sáng tạo nên một phong cách thơ Nôm luật Đường mới bằng cách thổi “hồn vía” dân tộc vào một thể thơ ngoại nhập, hướng đến việc Việt hóa triệt để nó. Thơ Nôm Hồ Xuân Hương là một kỳ tích của văn học trung đại Việt Nam. Điều đó trước hết là ở sức liên tưởng độc đáo của nữ sĩ. Văn hóa Việt Nam truyền thống hàm chứa những yếu tố tạo điều kiện cho quá trình chuyển hóa năng lực liên tưởng của tác giả thành giá trị thẩm mỹ của văn chương, thông qua sự kết hợp giữa tư duy thị giác và khả năng diễn đạt ngôn từ.

Tính cách Việt Nam là nguồn lực chủ đạo tạo nên thế giới thơ Nôm Hồ Xuân Hương vừa sắc sảo vừa khoáng đạt với ngôn ngữ hình ảnh giàu “khoảng trắng”. Văn hóa Việt Nam với tinh thần duy tình, tâm thức phồn thực và hài hòa với thiên nhiên, và ý thức phản kháng lại những bất công mà dòng văn hóa chính thống đương thời mang lại cho bản thân Hồ Xuân Hương và cho người phụ nữ Việt Nam là một cách lý giải cho sự phát triển vượt bậc của nghệ thuật tạo hình trong thơ bà.

Ngày nay, tinh thần đó tràn ngập ở nhiều nơi, nhiều cộng đồng dân tộc với không khí tự do, sôi động của văn hóa đại chúng. Nhưng trong xã hội phong kiến nam quyền với phong cách văn hóa tinh hoa, tao nhã thời trung đại thì “tinh thần phục hưng” [1] ấy là nguồn nhựa sống hiếm hoi và quý giá đã nuôi lớn khả năng tưởng tượng của người cầm bút, tạo nên những giá trị văn chương có ý nghĩa to lớn, vượt thời gian như thơ Nôm Hồ Xuân Hương. Chính khả năng liên tưởng là cốt lõi của tư duy thị giác chi phối quá trình sáng tạo đã sinh ra vẻ đẹp đặc trưng kết hợp tính thị giác và tính mơ hồ trong thơ “bà chúa thơ Nôm”.

4. Kết luận

Ngày nay, vẻ đẹp thị giác trong đời sống văn hóa Việt Nam hiện đại đã được biết đến ở nhiều loại hình nghệ thuật. Tuy nhiên, việc tìm kiếm ý nghĩa của tinh thần ấy trong thời phong kiến vẫn là cuộc hành trình không đơn giản nhưng vô cùng thú vị. Bài viết là những lời chia sẻ từ một cuộc tìm kiếm theo hướng đó, từ cái đẹp thị giác trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương đến mối quan hệ sâu xa giữa năng lực liên tưởng và tư duy thị giác trong mỹ học truyền thống và văn học trung đại. Chúng tôi hy vọng có thể cùng những ai quan tâm đến Hồ Xuân Hương góp thêm một tiếng nói về tính độc đáo của thơ Nôm Hồ Xuân Hương, vốn là một vấn đề rất thú vị do gần với cội nguồn văn hóa Việt Nam truyền thống bằng những mối liên hệ khó thấy nhưng bền vững, sâu xa.

Chú thích:

Bài viết sử dụng văn bản thơ theo *Thơ Nôm Hồ Xuân Hương*, Kiều Thu Hoạch tuyển chọn và giới thiệu, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2022.

Tài liệu tham khảo

1. Lại Nguyên Ân (2003), Tinh thần phục hưng trong thơ Hồ Xuân Hương, *Hồ Xuân*

Hương về tác gia và tác phẩm, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 354-362.

2. Chu Xuân Diên (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.
3. Tản Đà (1932), Thơ Nôm Hồ Xuân Hương, *An Nam tạp chí*, số 1, tr.1-2.
4. Phạm Văn Hóa (2022), “Ý thức nữ tính trong thơ Hồ Xuân Hương”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Miền Trung*, số 1(75), tr. 69-77.
5. Kiều Thu Hoạch (2022), *Thơ Nôm Hồ Xuân Hương*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Lương Sỹ Hiệp (2011), *Biệt tài tạo nghĩa thơ Nôm Hồ Xuân Hương*, Truy xuất từ http://www.hcmup.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=2702%3Abit-tai-to-ngha-th-nom-h-xuan-hng&catid=119%3Avan-hoc-viet-nam&Itemid=7201&lang=zh&site=30, ngày 06/1/2011.
7. Đinh Thị Khang (2022), Cái lạ trong thơ Hồ Xuân Hương, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế Nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1772-1822) Danh nhân văn hóa và giá trị di sản*, Nxb Nghệ An, tr. 557-566.
8. Nguyễn Lộc (1982), *Thơ Hồ Xuân Hương*, Nxb Văn học, Hà Nội.
9. Mai Ngọc Phát (2019), Thơ Hồ Xuân Hương – những mẫu gốc ám gợi, *Thời nay*, Truy xuất từ <https://nhandan.vn/tho-ho-xuan-huong-nhung-mau-goc-am-goi-post372595.html>, ngày 02/10/2019.
10. Nguyễn Khắc Phi (2022), Vài nét về thơ Hồ Xuân Hương ở nước ngoài, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế Nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1772-1822) danh nhân văn hóa và giá trị di sản*, Nxb Nghệ An, tr. 226-229.

11. Nguyễn Quân và Phan Cẩm Thượng (1989), *Mỹ thuật của người Việt*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
12. Phạm Quỳnh (2006), *Thượng chi văn tập*, Nxb Văn học, Hà Nội.
13. Đào Thái Tôn (1995), *Thơ Hồ Xuân Hương từ cội nguồn vào thể tục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
14. Nguyễn Sĩ Tế (2003), Khảo và luận thơ Hồ Xuân Hương, *Hồ Xuân Hương tác giả và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.85-110.
15. Nguyễn Thị Tính (2022), Thanh và tục trong thơ Hồ Xuân Hương: Đi tìm lời giải đáp cho những tranh luận về một bài thơ của nữ sĩ trong sách giáo khoa, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế Nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1772-1822) Danh nhân văn hóa và giá trị di sản*, Nxb Nghệ An, tr. 94-101.
16. Trương Xuân Tiếu (2016), Góp phần cảm - hiểu nội dung thâm mỹ đích thực của bài thơ *Mời trầu* của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, *Khoa học Xã hội Nhân văn Nghệ An online*, Truy xuất từ https://m.khxbhvnghen.gov.vn/?chitiet=356&gop-phan-cam-_-hie-u-noi-dung-tham-my-dich-thuc-cua-bai-tho---moi-trau---cua-nu-si-ho-xuan-huong.html, ngày 30/3/2016.
17. Đào Duy Tùng (2017), Nhiều trường nghĩa biểu vật, chuyển trường nghĩa biểu vật trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương, *Tạp chí Khoa học Đại học Cửu Long*, số 7, tr. 7-14.
18. Nguyễn Nam Trân, *Độc Oku no hosomichi của Basho - Con đường hẹp vào chiều sâu tâm thức*, <http://www.erct.com/2ThoVan/NNT/OKU-NOHOSOMICHI/Basho-OKU-NO-HOSOMICHI-2014.htm>
19. Đỗ Lai Thúy (2010), *Hồ Xuân Hương hoài niệm phồn thực*, Nxb Văn học, Hà Nội.
20. Trương Tửu (1958), *Mấy vấn đề văn học sử Việt Nam*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
21. Lê Thu Yến (2008). *Sức hấp dẫn của thơ Nôm Hồ Xuân Hương*, Nxb Văn học, Hà Nội.